

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Y tế, NN&PTNT, KH&ĐT, TC, GD&ĐT, VH&TT&DL;
- TT HĐND, TT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, PCVPNC, TH.
 - + Lưu: VT, NC-KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Sơn



Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Đính kèm theo Quyết định số 1880 /QĐ-UBND ngày 12/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh

I. LĨNH VỰC VĂN HÓA

1. Thủ tục cấp đổi thẻ Hướng dẫn viên du lịch quốc tế, hướng dẫn viên du lịch nội địa (mã số 1001.432)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú; (2) 02 ảnh chân dung 3x4.

- Rút ngắn thời hạn giải quyết: Từ 10 ngày xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Tại khoản 1 Điều 60 Luật Du lịch quy định thành phần hồ sơ khi cấp thẻ HDVDL đã bao gồm: b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú, đ) 02 ảnh 3x4. Vì vậy khi thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ HDVDL 02 thành phần hồ sơ trên đã được lưu trữ tại hồ sơ gốc, lưu trên hệ thống điện tử khi công dân lần đầu đề nghị cấp mới thẻ HDVDL. Ngoài ra do tính chất công việc, HDVDL thường xuyên di chuyển do vậy việc xin xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú sẽ gây mất nhiều thời gian cho HDVDL.

- Thời gian giải quyết: (10 ngày) còn dài vì cấp đổi thẻ thủ tục đơn giản có thể rút ngắn thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi nhanh chóng cho công dân khi giải quyết TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 2, 3 Điều 62 Luật Du lịch năm 2017;

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 87.420.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 63.240.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 24.180.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,66 %.

2. Thủ tục thẩm định cơ sở lưu trú du lịch: Hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch (mã số 1.004594)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch”. Điều kiện, tiêu chuẩn này nên để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển sang hậu kiểm trong quá trình thẩm định thực tế tại cơ sở.

Lý do: Hiện nay các cơ sở lưu trú du lịch khách sạn 1 sao, 2 sao, 3 sao quản lý và sử dụng số lượng quản lý, nhân viên đồng; số quản lý, nhân viên trên thường thay đổi, không ổn định do vậy việc chứng thực các văn bằng chứng chỉ,

giấy chứng nhận của người quản lý, trưởng bộ phận là không cần thiết vì không có tính ổn định lâu dài gây lãng phí thời gian, chi phí. Ngoài ra các doanh nghiệp là người trực tiếp tuyển dụng, quản lý, sử dụng nhân viên vì vậy họ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện năng lực của nhân viên trong doanh nghiệp nhằm đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp có hiệu quả. Về thành phần hồ sơ trên nên đề cơ quan nhà nước chuyển sang hậu kiểm, không cần thiết đưa vào thành phần hồ sơ khi nộp giải quyết TTHC.

- Đề nghị rút ngắn thời hạn giải quyết: Rút ngắn từ 30 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc. Thời hạn giải quyết như trên là không cần thiết, có thể giảm thời gian giải quyết mà vẫn đảm bảo đúng thời hạn theo quy định.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị bãi bỏ điểm d khoản 4 Điều 50, sửa đổi điểm b khoản 5 Điều 50 Luật Du lịch năm 2017.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 92.630.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 77.280.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,57 %.

II. LĨNH VỰC TƯ PHÁP

1. Thủ tục Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên và thu hồi thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng (MS: 2.002387. 000.00.00. H02)

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị thực hiện đồng thời 02 TTHC là thủ tục “Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên và thu hồi thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng” và thủ tục “Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng”.

Lý do: Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/2/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng hiện đang quy định khi Trưởng Văn phòng công chứng không còn làm việc tại Văn phòng công chứng đó thì Văn phòng Công chứng phải làm thủ *thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng* (Điều 19 Thông tư số 01/2021/TT-BTP)” sau khi thay đổi nội dung đăng ký hoạt động thì tiếp tục thực hiện thủ tục *xóa đăng ký hành nghề công chứng và thu hồi thẻ Công chứng viên* (Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BTP).

Tuy nhiên, nếu tách riêng hai nội dung này thành hai thủ tục khác nhau sẽ mất nhiều thời gian và chi phí cho đối tượng thực hiện TTHC, vì khi Văn phòng công chứng thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động (đối với trường hợp Trưởng Văn phòng công chứng không còn làm việc tại tổ chức hành nghề công chứng), thì trong thành phần hồ sơ có Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nên đã thể hiện rõ nội dung thay đổi Trưởng Văn phòng công chứng, Sở Tư pháp sẽ căn cứ vào đó để thực hiện

việc cấp lại giấy phép đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng, đồng thời xóa luôn đăng ký hành nghề và ra Quyết định thu hồi Thẻ công chứng viên của Trưởng Văn phòng công chứng đó.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Thông tư 01/2021/TT-BTP ngày 03/2/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

2. Thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Mã số 1.0020.10.000.00.00. H02)

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị sửa đổi mẫu tờ khai (TP-LS-02 và TP-LS-03) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và tổ chức hành nghề luật sư.

Lý do: Các mẫu tờ khai (TP-LS-02 và TP-LS-03) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BTP về cơ bản đã có những thông tin cần thiết tuy nhiên trong quá trình triển khai trên thực tế, mẫu tờ khai này chưa đảm bảo được tính pháp lý cao cũng như tinh thần trách nhiệm của cá nhân, tổ chức khi kê khai thông tin.

2.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung mẫu tờ khai (TP-LS-02 và TP-LS-03) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BTP quy định về nội dung cam kết trong các mẫu tờ khai trên theo hướng:

“Tôi cam kết:

- Là người có đầy đủ quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư;
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hoạt động nêu trên.”

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

3. Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Mã số 1.002032.000.00.00.H02)

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị sửa đổi mẫu tờ khai (TP-LS-06) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BTP

Lý do: Mẫu tờ khai (TP-LS-06) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BTP về cơ bản đã có những thông tin cần thiết tuy nhiên trong quá trình triển khai trên thực tế, mẫu tờ khai này chưa đảm bảo được tính pháp lý cao cũng như tinh thần trách nhiệm của cá nhân, tổ chức khi kê khai thông tin.

3.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung mẫu tờ khai (TP-LS-06) ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BTP theo hướng:

“Tôi cam kết:

- Là người có đầy đủ quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư;
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung thay đổi đăng ký hoạt động nêu trên.”

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính

III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (mã số 1.005061.000.00.00.H02).

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị mẫu hóa các thành phần hồ sơ (bao gồm: Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học) được quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 đã được bổ sung, sửa đổi tại Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.

Lý do: Việc quy định hồ sơ nhưng không có mẫu có thể gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, hoàn thiện hồ sơ thực hiện TTHC. Đặc biệt, vì không có mẫu, dẫn tới có thể phát sinh việc gây khó dễ cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, tạo cơ sở cho việc nảy sinh những nhiễu, tiêu cực; đồng thời, việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian thẩm định ban đầu về hồ sơ, thuận tiện trong việc triển khai ứng dụng CNTT trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo hình thức trực tuyến.

b) Về cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung hình thức trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với mục tiêu và giải pháp mà Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ đã xác định. Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Về thành phần hồ sơ: Sửa đổi, bổ sung điểm a, c Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 đã được bổ sung, sửa đổi tại Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018.

b) Về cách thức thực hiện: Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 3 Điều 108 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25.056.404 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.483.207 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 14.573.197 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53,86%.

2. Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (mã số 1.000181.000.00.00.H02)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị mẫu hóa các thành phần hồ sơ (bao gồm: Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; Danh sách, lý lịch trích ngang; Kế hoạch hoạt động) được quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Lý do: Việc quy định hồ sơ nhưng không có mẫu có thể gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, hoàn thiện hồ sơ thực hiện TTHC. Đặc biệt, vì không có mẫu, dẫn tới có thể phát sinh việc gây khó dễ cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, tạo cơ sở cho việc nảy sinh những nhiễu, tiêu cực; đồng thời, việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian thẩm định ban đầu về hồ sơ, thuận tiện trong việc triển khai ứng dụng CNTT trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo hình thức trực tuyến.

b) Về số lượng hồ sơ: Quy định cụ thể 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Quy định hiện tại không quy định rõ số bộ hồ sơ để tổ chức, cá nhân chuẩn bị. Việc không quy định, có thể dẫn tới việc cá nhân, tổ chức chuẩn bị thừa hồ sơ gây lãng phí, hoặc một số tình huống cán bộ tiếp nhận gây phiền hà, khó dễ khi quy định TTHC không quy định cụ thể nội dung này.

c) Về cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung hình thức qua bưu điện, trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với mục tiêu và giải pháp mà Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ đã xác định. Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC.

2.2. Kiến nghị thực thi

a) Về thành phần hồ sơ: Bổ sung, sửa đổi điểm a, c, d Khoản 2 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

b) Về số lượng hồ sơ; cách thức thực hiện: Bổ sung, sửa đổi điểm a Khoản 3 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 18.385.996 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.334.474 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 13.051.474 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 70,99%.

3. Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (mã số 1.001000.000.00.00.H02)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị mẫu hóa các thành phần hồ sơ (bao gồm: Công văn đăng ký tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện) được quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Lý do: Việc quy định hồ sơ nhưng không có mẫu có thể gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, hoàn thiện hồ sơ thực hiện TTHC. Đặc biệt, vì không có mẫu, dẫn tới có thể phát sinh việc gây khó dễ cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, tạo cơ sở cho việc nảy sinh những nhiễu, tiêu cực; đồng thời, việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian thẩm định ban đầu về hồ sơ, thuận tiện trong việc triển khai ứng dụng CNTT trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo hình thức trực tuyến.

b) Về số lượng hồ sơ: Quy định cụ thể 01 bộ hồ sơ.

Lý do: Quy định hiện tại không quy định rõ số bộ hồ sơ để tổ chức, cá nhân chuẩn bị. Việc không quy định, có thể dẫn tới việc cá nhân, tổ chức chuẩn bị thừa hồ sơ gây lãng phí, hoặc một số tình huống cán bộ tiếp nhận gây phiền hà, khó dễ khi quy định TTHC không quy định cụ thể nội dung này.

c) Về cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung hình thức qua bưu điện, trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với mục tiêu và giải pháp mà Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ đã xác định. Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Về thành phần hồ sơ: Bổ sung, sửa đổi điểm a, c Khoản 2 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

b) Về số lượng hồ sơ; cách thức thực hiện: Bổ sung, sửa đổi điểm a Khoản 3 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 143.712.651 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 42.993.690 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 100.718.961 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 70,08%.

4. Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học (1.005053.000.00.00.H02)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị mẫu hóa các thành phần hồ sơ (bao gồm: Tờ trình đề nghị thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học; Đề án thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học; Dự thảo nội quy tổ chức hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học) được quy định tại Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 đã được bổ sung, sửa đổi tại Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.

Lý do: Việc quy định hồ sơ nhưng không có mẫu có thể gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, hoàn thiện hồ sơ thực hiện TTHC. Đặc biệt, vì không có mẫu, dẫn tới có thể phát sinh việc gây khó dễ cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, tạo cơ sở cho việc nảy sinh những nhiễu, tiêu cực; đồng thời, việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian thẩm định ban đầu về hồ sơ, thuận tiện trong việc triển khai ứng dụng CNTT trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo hình thức trực tuyến.

b) Về cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung hình thức trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với mục tiêu và giải pháp mà Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ đã xác định. Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC.

c) Đề nghị gộp thủ tục này với thủ tục Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục.

Lý do: Vì chủ thể (cơ quan có thẩm quyền thành lập và cho phép hoạt động) là 01 pháp nhân; việc gộp 02 thủ tục giúp giảm hơn 1 nửa thời gian, chi phí để thực hiện TTHC (giảm bớt hồ sơ, thời gian chuẩn bị...).

4.2. Kiến nghị thực thi

a) Về thành phần hồ sơ: Sửa đổi, bổ sung điểm a, b, c Khoản 2 Điều 47 tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 đã được bổ sung, sửa đổi tại Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018.

b) Về cách thức thực hiện: Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 3 Điều 47 tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 đã được bổ sung, sửa đổi tại Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018.

c) Về phương án gộp 02 thủ tục hành chính: Ghép 02 Điều 47 và 49 tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 đã được bổ sung, sửa đổi tại Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 thành 01 điều quy định về nội dung, trình tự, thủ tục, điều kiện và bổ sung mẫu hồ sơ.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 34.368.057 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.623.245 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 21.744.812 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,81%.

5. Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục (mã số 1.005049.000.00.00.H02)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị mẫu hóa các thành phần hồ sơ (bao gồm: Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục; Nội quy hoạt động giáo dục của trung tâm; Báo cáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, tài liệu dạy học; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; văn bản chứng minh về quyền sử dụng hợp pháp đất, nhà; nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của trung tâm) được quy định tại điểm a, c, d Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 đã được bổ sung, sửa đổi tại Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.

Lý do: Việc quy định hồ sơ nhưng không có mẫu có thể gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, hoàn thiện hồ sơ thực hiện TTHC. Đặc biệt, vì không có mẫu, dẫn tới có thể phát sinh việc gây khó dễ cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, tạo cơ sở cho việc nảy sinh những nhiễu, tiêu cực; đồng thời, việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian thẩm định ban đầu về hồ sơ, thuận tiện trong việc triển khai ứng dụng CNTT trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo hình thức trực tuyến.

b) Về cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung hình thức trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với mục tiêu và giải pháp mà Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ đã xác định. Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC.

c) Đề nghị gộp thủ tục này với thủ tục Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học.

Lý do: Vì chủ thể (cơ quan có thẩm quyền thành lập và cho phép hoạt động) là 01 pháp nhân; việc gộp 02 thủ tục giúp giảm hơn 1 nửa thời gian, chi phí để thực hiện TTHC (giảm bớt hồ sơ, thời gian chuẩn bị...).

5.2. Kiến nghị thực thi

a) Về thành phần hồ sơ: Sửa đổi, bổ sung điểm a, c, d Khoản 2 Điều 49 tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 đã được bổ sung, sửa đổi tại Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018.

b) Về cách thức thực hiện: Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 3 Điều 49 tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.

c) Về phương án gộp 02 thủ tục hành chính: Ghép 02 Điều 47 và 49 tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 đã được bổ sung, sửa đổi tại Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 thành 01 điều quy định về nội dung, trình tự, thủ tục, điều kiện và bổ sung mẫu hồ sơ.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 53.626.021 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 23.112.556 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 30.513.465 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,90%.

IV. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

1. Thủ tục Mua hóa đơn lẻ (mã số 1.005435.000.00.00.H02)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thành phần hồ sơ “Giấy giới thiệu”.

Lý do: TTHC “Mua hóa đơn lẻ” thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, do đó khi đơn vị có nhu cầu mua hóa đơn sẽ thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công. Sở Tài chính (hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện) là đơn vị được giao quản lý hóa đơn (quy định tại Điều 99 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ); tại khoản 2, Điều 98 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định “Hóa đơn bán tài sản công được lập thành 03 liên: Liên 1 (lưu cổng hóa đơn), liên 2 giao cho người mua tài sản, liên 3 (làm chứng từ cho kế toán thanh toán) trong trường hợp này phải thực hiện xuống tận đơn vị để xuất hóa đơn lẻ. Do vậy, Giấy giới thiệu trong thành phần hồ sơ của thủ tục này là không cần thiết, đề nghị cắt giảm.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 1 Điều 97 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.645.140 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.466.160 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 178.980 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,011 %.

V. LĨNH VỰC Y TẾ

1. Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc (mã số 1.003963.000.00.00.H02)

1.1. Nội dung phương án đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm 01 thành phần hồ sơ “Giấy phép lưu hành của thuốc”.

Lý do: Hiện nay các loại thuốc được phép lưu hành đã công bố thông tin về Giấy phép lưu hành của thuốc trên website của cục Quản lý Dược, Sở Y tế có thể tra cứu trực tuyến tại website của cục Quản lý Dược.

- Bổ sung cách thức thực hiện TTHC “thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; thực hiện bưu chính công ích”.

Lý do: Nhằm cải cách TTHC, tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 108 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; sửa đổi bổ sung Điều 113 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 69.175.800 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 61.567.770 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 7.608.030 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11%

VI. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (mã số 1.004363.000.00.00.H02)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Trong bản kê khai chi tiết của thành phần hồ sơ “Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật” đã có đầy đủ thông tin của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; và trong yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính đã có.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi khoản 2, Điều 35, Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 theo hướng huỷ bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC đồng thời giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.999.503 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.600.934 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 4.398.569 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56%

2. Thủ tục Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (mã số 1.004427.000.00.00.H02)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị bổ sung mẫu của thành phần hồ sơ “Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi”.

Lý do: Không ban hành mẫu hồ sơ cụ thể sẽ gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, kê khai, hoàn thiện hồ sơ thực hiện TTHC vì đối tượng thực hiện TTHC chủ yếu chưa nắm rõ hình thức trình

bày, các nội dung, bố cục thông tin phải cung cấp; đồng thời, việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian thẩm định ban đầu về hồ sơ.

2.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi, theo hướng bổ sung mẫu thành phần hồ sơ.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC đồng thời giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 513.000 đồng/thủ tục
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 305.000 đồng/thủ tục
- Chi phí tiết kiệm: 208.000 đồng/thủ tục
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 59%

VII. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Thủ tục Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên (mã số 2.001583.000.00.00.H02)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ đề nghị bổ sung mẫu “Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty TNHH một thành viên”.

Lý do: Không ban hành mẫu hồ sơ cụ thể sẽ gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, hoàn thiện hồ sơ thực hiện TTHC; đồng thời, việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian hướng dẫn, thẩm định hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT theo hướng bổ sung mẫu Điều lệ công ty TNHH một thành viên.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 907.135.818 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 812.379.455 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 94.756.364 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

2. Thủ tục Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên (2.001199.000.00.00.H02)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ đề nghị bổ sung mẫu “Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty TNHH hai thành viên trở lên”.

Lý do: Không ban hành mẫu hồ sơ cụ thể sẽ gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, hoàn thiện hồ sơ thực hiện TTHC;

đồng thời, việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian hướng dẫn, thẩm định hồ sơ.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT theo hướng bổ sung mẫu Điều lệ công ty TNHH hai thành thành viên trở lên.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 256.309.909 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 221.464.909 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 34.845.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%.

3. Thủ tục Đăng ký thành lập công ty Hợp danh (mã số 2.002042.000.00.00.H02)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ đề nghị bổ sung mẫu “Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty Hợp danh”.

Lý do: Không ban hành mẫu hồ sơ cụ thể sẽ gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, hoàn thiện hồ sơ thực hiện TTHC; đồng thời, việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian hướng dẫn, thẩm định hồ sơ.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT theo hướng bổ sung mẫu Điều lệ công ty Hợp danh.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.114.391 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 962.891 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 151.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%.

4. Thủ tục Đăng ký thành lập công ty Cổ phần (mã số 2.002043.000.00.00.H02)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ đề nghị bổ sung mẫu “Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty Cổ phần”.

Lý do: Không ban hành mẫu hồ sơ cụ thể sẽ gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, hoàn thiện hồ sơ thực hiện TTHC; đồng thời, việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian hướng dẫn, thẩm định hồ sơ.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT, bổ sung mẫu Điều lệ công ty Cổ phần.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 286.523.045 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 235.908.273 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 50.614.773 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18%.

5. Thủ tục Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phân vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) (mã số 2.002009.000.00.00.H02)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Đối với trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ, đề nghị bỏ quy định “kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ”.

Lý do: Thực tế hiện nay doanh nghiệp chỉ thực hiện tổng hợp báo cáo tài chính theo niên độ kế toán 1 năm một lần. Việc nộp báo cáo tài chính của doanh nghiệp là không cần thiết, cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC này vì theo quy định tại Khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Khoản 4 Điều 51 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 khi điều chỉnh giảm vốn điều lệ doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn.

5.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị bỏ quy định “Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký giảm vốn điều lệ phải kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ” tại Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giảm giấy tờ hành chính, đồng thời giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 417.550.727 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20.620.727 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 396.930.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 95%.

6. Thủ tục Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã (mã số 1.005125.000.00.00.H02)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ đề nghị bổ sung mẫu “Điều lệ Liên hiệp Hợp tác xã”.

Lý do: Không ban hành mẫu hồ sơ cụ thể sẽ gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, hoàn thiện hồ sơ thực hiện TTHC;

đồng thời, việc ban hành mẫu cũng giúp cho cơ quan có thẩm quyền rút ngắn thời gian hướng dẫn, thẩm định hồ sơ.

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bổ sung mẫu Điều lệ Liên hiệp HTX.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.771.645 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.606.373 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 165.273 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

7. Thủ tục Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (mã số 2.002013.000.00.00.H02).

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Về thành phần hồ sơ đề nghị bỏ “Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã” và “Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định đối với chi nhánh hợp tác xã kinh doanh các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề”.

Lý do:

Từ ngày 28/05/2019, Hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký hợp tác đã được triển khai trên phạm vi cả nước. Do vậy việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký HTX/Liên hiệp HTX được xử lý trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã; Do vậy dữ liệu lịch sử về Hợp tác xã/Liên hiệp HTX sẽ được tra cứu trên hệ thống do vậy việc nộp bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã là không cần thiết, đề nghị bãi bỏ để giảm chi phí tuân thủ TTHC.

Hiến pháp 2013 đã khẳng định các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật. Theo Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư năm 2014, hiện nay là Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư năm 2020 đã được xây dựng với cách tiếp cận về quyền tự do kinh doanh theo hướng đơn giản hóa điều kiện, thủ tục cấp phép, dỡ bỏ hàng loạt hạn chế, bất cập của quy định cũ, mở rộng các nhóm quyền tự quyết của doanh nghiệp. Xoá bỏ hoàn toàn chế độ “tiền kiểm”, đặt trọng tâm quản lý nhà nước sang “tiền kiểm”. Do vậy để bình đẳng với các thành phần kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định đối với chi nhánh hợp tác xã kinh doanh các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề” đối với thủ tục thành lập Chi nhánh.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị bỏ điểm a, điểm d Khoản 3 Điều 16 Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính Phủ; bỏ điểm b, điểm e Khoản 1 Điều 8 Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giảm giấy tờ hành chính, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 940.736 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 855.645 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 95.091 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%.